

Bản án số: 161/2022/DS-ST

Ngày: 31-5-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Hoàng.

2. Bà Phạm Thái Hoàng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 765/2020/DSST ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1516/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2214/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP Đ

***Trụ sở:*** 130 đường P Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hoàng Chương Q là đại diện theo ủy quyền.

***Địa chỉ liên lạc:*** 291 đường L Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Bị đơn:*** Ông Đỗ Hải L, sinh năm 1989.

***Địa chỉ:*** 12 lầu 4C đường T phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có bà Lê Thị Mỹ H, sau là ông Lê Hoàng Chương Q là đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tố tụng:*

Ông Đỗ Hải L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng), chi nhánh Quận 10- PGD Lý Thái Tổ, chi tiết như sau:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa Dongabank số TT05/04-2014/TTD ngày 25/04/2014 đáo hạn ngày 30/04/2017. Tổng hạn mức cấp tín dụng: 15.000.000 đồng, lãi suất cho vay 18%/năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích tiêu dùng. Ngày 30/04/2017 hợp đồng trên đến hạn thanh toán toàn bộ vốn, phí và lãi. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện giao dịch mua hàng là 10.306.178 đồng; rút tiền mặt: 3.300.000 đồng; phí dịch vụ: 132.000 đồng. Do ông L không thanh toán tiền cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên ngày 19-4-2019, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng của ông L sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 31-5-2022, ông L còn dư nợ tại Ngân hàng TMCP Đ như sau: Nợ gốc: 13.606.176 đồng; lãi trong hạn: 10.887.273 đồng; phí chậm thanh toán: 32.946.135 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Hải L thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tạm tính đến ngày 31-5-2022 là 57.439.584 đồng gồm: Nợ gốc: 13.606.176 đồng; lãi trong hạn: 10.887.273 đồng; phí chậm thanh toán: 32.946.135 đồng.

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và sẽ khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu. Ông L có trách nhiệm thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông L có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng thẻ còn nợ, ngoài ra không yêu cầu ai cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

*Bị đơn - ông Đỗ Hải L:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đỗ Hải L. Tuy nhiên, L chỉ đến Tòa án làm việc một lần và có bản khai ngày 17-9-2020 với nội dung xác nhận có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đ và xác nhận các khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên vì lý do gia đình và làm ăn thua lỗ nên không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ...sau đó, ông L không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của các bên và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Hải L thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tạm tính đến ngày 31-5-2022 là 65.837.999 đồng gồm: nợ gốc 46.552.313 đồng; nợ lãi: 19.285.686 đồng và lãi phát sinh sau ngày 31-5-2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1]. Về pháp luật tố tụng:*

##### **1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bị đơn ông Đỗ Hải L giao kết hợp đồng tín dụng ngày 25-4-2014. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 16-9-2020 của Công an phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 12 lầu 4C đường T, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ. Đồng thời tại bản khai ngày 17-9-2020, ông L cũng khẳng định địa chỉ nơi thường xuyên sinh sống là địa chỉ nêu trên. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ mới của bị đơn. Do đó có cơ sở xác định địa chỉ 12 lầu 4C đường T, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ ông L đã từng cư trú được thể hiện trong hợp đồng tín dụng các bên giao kết. Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn được ghi trong hợp đồng.

Do đó, địa chỉ 12 lầu 4C đường T, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí

Minh căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### 1.2. Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đ ủy quyền cho bà Lê Thị Mỹ H, sau đó ủy quyền cho ông Lê Hoàng Chương Q tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ông Q đã có đơn đề ngày 28-5-2022 xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn là ông Đỗ Hải L mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo sự khách quan, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn nhưng bị đơn đã không đến Tòa tham gia tố tụng nhưng có văn bản trình bày, ý kiến, yêu cầu của mình đối với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### 1.3. Về chứng cứ:

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký kết giữa ông Đỗ Hải L và Ngân hàng... Đây là các tài liệu bản sao từ các tài liệu đang lưu giữ trong hồ sơ tại trụ sở của nguyên đơn. Đại diện nguyên đơn cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của các tài liệu này. Ông L cung cấp tài liệu chứng cứ là bản khai ngày 17-9-2020. Do vậy, những tài liệu, chứng cứ này có giá trị chứng minh về quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

#### [2]. Về pháp luật nội dung:

##### 2.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng, có chữ ký xác nhận của ông Đỗ Hải L và đại diện Ngân hàng có cơ sở xác định ngày 25-4-2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã cấp thẻ tín dụng cho ông L thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết hợp đồng tín dụng ngày 25-4-2014 giữa Ngân hàng và ông L là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ Bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng và Bảng chi tiết giao dịch của khách hàng thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch tạm tính đến ngày 31-5-2022 là ông L đã thực hiện giao dịch mua hàng là 10.306.178 đồng; rút tiền mặt: 3.300.000 đồng; phí dịch vụ: 132.000 đồng; lãi trong hạn: 10.887.273 đồng; phí chậm thanh toán 32.814.135 đồng, tổng cộng là 57.439.587 đồng. Tuy nhiên do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 19-4-2019 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ Visa của ông L là phù hợp với thỏa thuận của các bên và được ông L xác nhận tại bản khai nộp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên dựa theo bảng sao kê lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp, không có chứng cứ nào cho thấy ông L đã thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đỗ Hải L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại của thẻ tín dụng là 13.606.176 đồng.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi trong hạn và phí chậm thanh toán:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa Dongabank số TT05/04-2014/TTD ngày 25/04/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông Đỗ Hải L là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005 và theo quy định tại Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 54 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997.

Sau khi ký Hợp đồng, ông Đỗ Hải L đã sử dụng thẻ để thanh toán mua hàng và rút tiền mặt với tổng số tiền 13.606.176 đồng nhưng chưa trả nợ đúng hạn như cam kết trong hợp đồng.

Xét theo Điều 7 của Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Visa DongA Bank thì ông Đỗ Hải L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cần buộc ông L thực hiện đúng nội dung thỏa thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi trong hạn 10.887.273 đồng và phí chậm thanh toán là 32.946.135 đồng đã được ông L xác nhận tại bản khai ngày 17-9-2020 có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu ông L có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với ông L thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông L đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của ông L.

*Về thời hạn thanh toán:* Hội đồng xét xử xét thấy, do ông L vi phạm thời hạn trả nợ như thỏa thuận đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán hết một lần số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Bị đơn ông Đỗ Hải L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.871.979 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự

sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4]. *Quyền kháng cáo:*

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

Buộc ông Đỗ Hải L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25-4-2014 đến ngày 31-5-2022 là 57.439.586 đồng (bao gồm nợ gốc 13.606.176 đồng; nợ lãi trong hạn: 10.887.273 đồng; phí chậm thanh toán: 32.946.135 đồng). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Hải L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Đỗ Hải L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.871.979 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.435.990 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0029037 ngày 07-5-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Đ và ông Đỗ Hải L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hồng Hạnh**